

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2022;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2020/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành có liên quan:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Trung tâm tin học - CB;
 - Lưu: VT, VP7, TTPVHCC.
- ĐN_VP7_QĐ_2022

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn

Phụ lục
Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (12 TTHC)

1.1. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.3. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.4. Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.5. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 36 Luật Đầu tư; Khoản 4, 5 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.6. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 6, 7, 8, 10, 11 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.7. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4, 6, 7 Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.8. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.9. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 5, 6, 7 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.10. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4, 5 Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.11. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 12 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 10 ngày làm việc (giảm 16,6% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.12. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 18 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 16 ngày làm việc (giảm 11,1% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Sở Công Thương (04 TTHC)

2.1. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 9,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 9 ngày làm việc (giảm 5,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c Khoản 4 Điều 17 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

2.2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 6,75 ngày (54 giờ) làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 6,25 ngày (50 giờ) làm việc (giảm 7,4% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 về kinh doanh rượu.

2.3. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 19,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 19 ngày làm việc (giảm 2,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Sửa đổi điểm c Khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

2.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do sở Công Thương thực hiện

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do sở Công Thương thực hiện.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 19,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 19 ngày làm việc (giảm 2,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Sở Tư pháp (01 TTHC)

3.1. Thủ tục Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 14 ngày làm việc (giảm 6,6% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

4. Sở Thông tin và Truyền thông (04 TTHC)

4.1. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quy định Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng

4.2. Các TTHC (03 thủ tục) gồm: sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của các TTHC (03 thủ tục) gồm: sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quy định Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (03 TTHC)

5.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 2,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 10,5 ngày làm việc (giảm 19,2% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

5.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 04 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 11 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 07 ngày làm việc (giảm 36,4% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3 Điều 35 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

5.3. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 08 ngày làm việc (giảm 20% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (02 TTHC)

6.1. Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Người lao động, người sử dụng lao động không cần xuất trình Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Lý do: Văn bản này do UBND tỉnh ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị theo dõi, quản lý trực tiếp, do đó trong quá trình thực

hiện TTHC nhận thấy việc xuất trình Văn bản này của người lao động, người sử dụng lao động là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 152/2020/NĐCP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6.2. Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Người lao động, người sử dụng lao động không cần xuất trình Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Lý do: Văn bản này do UBND tỉnh ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị theo dõi, quản lý trực tiếp, do đó trong quá trình thực hiện TTHC nhận thấy việc xuất trình Văn bản này của người lao động, người sử dụng lao động là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 152/2020/NĐCP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam./.